

Số: 690/TB-HĐXTVC-BVĐKTB

Tân Sơn Nhất, ngày 14 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình năm 2026

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Hướng dẫn số 1397/HD-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3350/SYT-TCCB ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai Hướng dẫn số 1397/HD-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3851/QĐ-SYT ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Công văn số 11044/SYT-TCCB ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Sở Y tế Thành phố về việc thẩm quyền tuyển dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-BVĐKTB ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc ban hành Đề án vị trí việc làm của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình;

Căn cứ Thông báo số 3672/TB-SYT ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-BVĐKTB ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình về việc phê duyệt kế hoạch Xét tuyển viên chức năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 429/KH-BVĐKTB ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình về Xét tuyển viên chức năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 465/TB-BVĐKTB ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình về Xét tuyển viên chức năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BVĐKTB ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-BVĐKTB ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình về việc phê duyệt danh sách thí sinh tham dự kỳ xét tuyển viên chức năm 2026;

Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện Đa khoa Tân Bình năm 2026 thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia Vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình như sau:

Thời gian và địa điểm tổ chức Vòng 2

Thời gian: Thứ Bảy, ngày 08 tháng 8 năm 2026.

+ Thí sinh có mặt điểm danh: Từ 07 giờ đến 07 giờ 15 phút.

+ Khai mạc: 07 giờ 15 phút đến 07 giờ 30 phút

+ Sát hạch ngoại ngữ: Từ 08 giờ 00 phút.

+ Vấn đáp: Sau khi kết thúc sát hạch ngoại ngữ.

Địa điểm: Hội trường Bệnh viện Đa khoa Tân Bình (605 Hoàng Văn Thu, phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh).

Lưu ý:

- Thí sinh mang theo Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh để làm thủ tục trước khi sát hạch.

- Thí sinh tham dự sát hạch ngoại ngữ, vấn đáp đến chậm quá 05 phút tính từ khi bắt đầu giờ sát hạch ngoại ngữ, vấn đáp thì không được tham dự sát hạch ngoại ngữ, vấn đáp.

Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2026 Bệnh viện Đa khoa Tân Bình thông báo để các thí sinh được biết và tham dự kỳ xét tuyển viên chức năm 2026 theo quy định.

Thông báo này thay cho thư mời đến từng cá nhân tham dự.

(Đính kèm Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự Vòng 2).

Nơi nhận:

- BGĐ Bệnh viện;
- Hội đồng xét tuyển viên chức;
- Trang web của Bệnh viện;
- Niêm yết tại bảng thông báo;
- Các bộ phận giúp việc Hội đồng;
- Thí sinh đủ điều kiện;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
BS. CKI Phan Hồng Ngọc**

Tân Sơn Nhất, ngày 04 tháng 8 năm 2026

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2026
(Đính kèm Thông báo số 69/VTB-HĐXTVC-BVĐKTB ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng xét tuyển viên chức
Bệnh viện Đa khoa Tân Bình năm 2026)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh			Giới tính		Dân tộc	Số Căn cước công dân	Vị trí ứng tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Khoa, phòng dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (nếu có đánh X)	Ghi chú
	Họ	Tên	Ngày	Tháng	Năm sinh	Nam	Nữ							
I	BÁC SĨ HẠNG III													
1	Phạm Thảo	Ái	22	7	1994		X	Kinh	079194002043	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		
2	Lương Minh	Diệp	08	5	1992	X		Kinh	067092002289	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức Cấp cứu		
3	La Nguyễn Huy	Thành	24	5	1997	X		Hoa	079097030608	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Hồi sức Cấp cứu	X	Dân tộc Hoa
4	Hứa Tấn	An	15	9	1994	X		Hoa	091094005754	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Khám bệnh	X	Dân tộc Hoa
5	Trần Quang	Duy	23	8	1991	X		Kinh	079091005952	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Khám bệnh		
6	Tạ Đình	Đức	12	6	1998	X		Kinh	024098010018	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Khám bệnh		
7	Vũ Hồng	Khanh	21	9	1998	X		Kinh	079098011945	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Khám bệnh		
8	Huỳnh Thị Kim	Liên	19	01	1999		X	Kinh	089199001078	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Khám bệnh		

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh			Giới tính		Dân tộc	Số Căn cước công dân	Vị trí ứng tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Khoa, phòng dự tuyển	Đôi tượng ưu tiên (nếu có đánh X)	Ghi chú
	Họ	Tên	Ngày	Tháng	Năm sinh	Nam	Nữ							
9	Trương Anh	Thư	28	11	2000		X	Chăm	058300000287	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Khám bệnh	X	Dân tộc Chăm
10	Đông Hoàng Quốc	Trị	07	07	1998	X		Chăm	058098005505	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Khám bệnh	X	Dân tộc Chăm
11	Lý Quang	Hung	30	6	1999	X		Kinh	052099000091	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Mắt		
12	Ngô Quang	Thị	01	9	2000	X		Kinh	066200003804	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Nội tổng hợp		
13	Trần Thị Thanh	Thúy	15	12	1999		X	Kinh	068199000097	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Nội tổng hợp		
14	Nguyễn Đăng	Khoa	05	12	1997	X		Kinh	075097000123	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Ngoại tổng hợp		
15	Nguyễn Công	Toại	31	5	1993	X		Kinh	079093025382	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Ngoại tổng hợp		
16	Phạm Minh	Huyền	14	02	1998		X	Kinh	052198015797	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Phụ Sản		
17	Bùi Thảo	Nhi	10	12	1999		X	Kinh	052199000065	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Phụ Sản		
18	Nguyễn Đăng Văn	Anh	20	01	1999		X	Kinh	080199001788	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Răng Hàm Mất		
19	Nguyễn Trần Minh	Châu	28	12	2001		X	Kinh	079301005436	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Răng Hàm Mất		
20	Trần Vương	Long	09	01	2001	X		Kinh	079201028263	Bác sĩ (hàng III)	Bác sĩ (hàng III)	Khoa Răng Hàm Mất		

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh			Giới tính		Dân tộc	Số Căn cước công dân	Vị trí ứng tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Khoa, phòng dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (nếu có đánh X)	Ghi chú
	Họ	Tên	Ngày	Tháng	Năm sinh	Nam	Nữ							
21	Đỗ Mạnh	Trí	17	01	2001	X		Kinh	077201002519	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Răng Hàm Mát		
22	Nguyễn Thế	Nguyễn	04	11	1996	X		Kinh	086096009908	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Tai Mũi Họng		
23	Huỳnh Lê	Tân	13	02	2000	X		Kinh	079200021217	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Tai Mũi Họng		
24	Dương Thị Thúy	Duy	29	8	1999		X	Kinh	089199008624	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Y học Cổ truyền		
25	Trịnh Thị Kim	Duyên	26	6	1984		X	Kinh	079184021375	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Y học Cổ truyền		
26	Trương Tuyết	Minh	01	01	2000		X	Kinh	089300004105	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Y học Cổ truyền		
27	Nguyễn Huỳnh Anh	Tú	19	8	1997	X		Kinh	079097009097	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Y học Cổ truyền		
28	Nguyễn Tấn	Tài	30	4	1996	X		Kinh	066096007547	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Phòng Kế hoạch tổng hợp		
II CHUYÊN VIÊN														
29	Nguyễn Thị	Hoa	08	08	1993		X	Kinh	038193004794	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch tổng hợp		
30	Phạm Thị	Lan	15	8	1999		X	Kinh	070199010617	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch tổng hợp		
31	Tạ Văn	Ba	03	11	1980	X		Kinh	025080000221	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	X	Tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh			Giới tính		Dân tộc	Số Căn cước công dân	Vị trí ứng tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Khoa, phòng dự tuyển	Đội tượng ưu tiên (nếu có đánh X)	Ghi chú
	Họ	Tên	Ngày	Tháng	Năm sinh	Nam	Nữ							
32	Đặng Chí	Bảo	06	10	1996	X		Kinh	079096008791	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		Bảng Cử nhân Ngôn ngữ Anh
33	Nguyễn Thị Minh	Châu	18	5	1993		X	Kinh	079193037762	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		Bảng Cử nhân Ngôn ngữ Anh
34	Võ Thị	Đức	12	4	1978		X	Kinh	068178002360	Chuyên viên về hành chính văn phòng	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		Đại học Anh văn
35	Nguyễn Ánh	Hồng	06	4	1989		X	Kinh	077189007557	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		
36	Nguyễn Thị Hồng	Ly	15	4	1997		X	Kinh	051197014966	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		
37	Trần Thị Bích	Ngọc	07	11	2002		X	Kinh	051302011177	Chuyên viên về hành chính văn phòng	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		
38	Huỳnh Khánh	Như	04	12	2001		X	Kinh	079301004956	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		Nộp qua đường bưu điện
39	Lương Thị	Phượng	20	3	1998		X	Thái	066198000156	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	X	Dân tộc Thái
40	Trần Thị Yến	Phượng	17	3	1995		X	Kinh	068195000058	Chuyên viên về hành chính văn phòng	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		
41	Hồ Bảo	Quân	10	7	1989	X		Kinh	044089007414	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		
42	Nguyễn Hoàng	Tuấn	04	9	1989	X		Kinh	079089022823	Chuyên viên về hành chính văn phòng	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		
43	Vũ Thị Phương	Thu	21	8	1990		X	Kinh	015190013112	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh			Giới tính		Dân tộc	Số Căn cước công dân	Vị trí ứng tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Khoa, phòng dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (nếu có đánh X)	Ghi chú
	Họ	Tên	Ngày	Tháng	Năm sinh	Nam	Nữ							
III DƯỢC SĨ HẠNG III														
44	Phạm Minh Thế	Hiệp	25	3	2002	X		Kinh	091202003459	Dược sĩ hạng III	Dược sĩ hạng III	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		
45	Trần Bảo	Tĩnh	04	02	2001	X		Kinh	082201005438	Dược sĩ hạng III	Dược sĩ hạng III	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		
IV DƯỢC HẠNG IV														
46	Nguyễn Hoàng	Son	01	6	1990	X		Kinh	074090005689	Dược hạng IV	Dược hạng IV	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế		
V ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III														
47	Huỳnh Đỗ Gia	Huy	03	6	1999	X		Kinh	066099017298	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức		
48	Nguyễn Thị	Duyên	27	11	1984		X	Kinh	034184015288	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức Cấp cứu		  
49	Nguyễn Thùy Thanh	Vy	05	6	1996		X	Kinh	079196000377	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức Cấp cứu		  
50	Nguyễn Thị Mộng	Điệp	13	11	2001		X	Kinh	046301000176	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Khám bệnh		
51	Nguyễn Thu	Hương	30	8	2000		X	Kinh	066300020169	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Khám bệnh		
52	Trần Thị Hồng	Thắm	04	9	1998		X	Kinh	087198005714	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Khám bệnh		
53	Nguyễn Hữu	Thiện	16	10	2000	X		Kinh	079200025880	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Mắt		

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh			Giới tính		Dân tộc	Số Căn cước công dân	Vị trí ứng tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Khoa, phòng dự tuyển	Đổi tương ưu tiên (nếu có đánh X)	Ghi chú
	Họ	Tên	Ngày	Tháng	Năm sinh	Nam	Nữ							
54	Bùi Thị Thanh	Loan	04	6	1999		X	Kinh	079199035908	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tổng hợp		
55	Vô Thị Tố	Như	18	8	1992		X	Kinh	083192004374	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tổng hợp		
56	Bùi Phương	Anh	09	5	1984		X	Kinh	079184000631	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng III	Khoa Răng Hàm Măt		

VI ĐIỀU DƯỠNG HÀNG IV

57	Phạm Quốc	Hùng	04	04	2002	X		Kinh	079202022572	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức Cấp cứu		
58	Trần Nhật	Quang	19	12	2001	X		Kinh	095201000202	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức Cấp cứu		
59	Phạm Hoàng	Yến	27	8	2003		X	Kinh	024303000092	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức Cấp cứu		
60	Bùi Thị Ngọc	Thư	24	3	1998		X	Kinh	074198005665	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Khám bệnh		
61	Lê Thị Ngọc	Châu	09	07	1994		X	Kinh	083194007647	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội tổng hợp		
62	Trần Mỹ	Phuong	24	5	2004		X	Kinh	079304001969	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại tổng hợp		
63	Nguyễn Thị Kim	Thắm	17	5	2003		X	Kinh	079303025746	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại tổng hợp		
64	Phan Anh	Thư	13	10	2002		X	Kinh	079302007188	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại tổng hợp		

VII KẾ TOÁN VIÊN

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Giới tính		Dân tộc	Số Căn cước công dân	Vị trí ứng tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Khoa, phòng dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (nếu có đánh X)	Ghi chú
	Họ	Tên	Ngày	Tháng	Năm sinh	Nam	Nữ						
65	Phạm Thị Thanh	Hương	19	11	1988		X	Kinh	079188020818	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính Kế toán		
66	Phan Đình	Phát	26	01	2000	X		Kinh	079200029703	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính Kế toán		
67	Võ Thị Thanh	Thảo	08	3	1989		X	Kinh	072189002842	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Tài chính Kế toán		Nộp qua đường bưu điện
VIII KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP													
68	Nguyễn Thị	Từ	17	11	1994		X	Kinh	038194011801	Kế toán viên trung cấp (hạng IV)	Phòng Tài chính Kế toán		
IX KỸ SƯ HẠNG III													
69	Vũ Thức	Quân	02	7	1967	X		Kinh	075067018097	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		
70	Đỗ Văn	Tuấn	25	3	1981	X		Kinh	034081017624	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		Bảng Cử nhân Ngôn ngữ Anh
X KỸ THUẬT VIÊN HẠNG IV													
71	Huỳnh Lê	Nhân	16	10	2003	X		Kinh	079203025961	Kỹ thuật viên hạng IV	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị		
XI KỸ THUẬT Y HẠNG III													
72	Cam Trúc	Huỳnh	27	01	1997		X	Kinh	079197016328	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Xét nghiệm		
73	Nguyễn Hoàng Cao Mỹ	Mỹ	21	12	2001	X		Kinh	079201004993	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Xét nghiệm	X	Hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh			Giới tính		Dân tộc	Số Căn cước công dân	Vị trí ứng tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Khoa, phòng dự tuyển	Đổi tượng ưu tiên (nếu có đánh X)	Ghi chú
	Họ	Tên	Ngày	Tháng	Năm sinh	Nam	Nữ							
74	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	30	11	1987		X	Kinh	079187015811	Kỹ thuật y hàng III	Kỹ thuật y hàng III	Khoa Xét nghiệm		
75	Hứa Thanh	Nhã	21	01	1998	X		Kinh	082098003343	Kỹ thuật y hàng III	Kỹ thuật y hàng III	Khoa Xét nghiệm		
76	Nguyễn Lê Tấn	Phát	04	01	2001	X		Kinh	079201002696	Kỹ thuật y hàng III	Kỹ thuật y hàng III	Khoa Xét nghiệm		
77	Lưu Mỹ	Linh	22	02	1999		X	Hoa	079199014980	Kỹ thuật y hàng III	Kỹ thuật y hàng III	Khoa Y học Cỏ truyền	X	Dân tộc Hoa

